

Ngày soạn: 20/ 3/ 2026

Tiết : 58,59,60,61,62.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY **BÀI 15: CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ DÂN CƯ, LÃNH THỔ VÀ CHỦ QUYỀN QUỐC GIA**

(Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC.

1. Về kiến thức

- Nhận biết được nội dung cơ bản của công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.
- Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản liên quan đến dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.

2. Về năng lực

- Điều chỉnh hành vi: Đồng tình, ủng hộ những hành vi phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia; phê phán những hành vi vi phạm các quy định của pháp luật quốc tế về dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia.

3. Về phẩm chất

- Có trách nhiệm trong việc đánh giá các hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; Đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động: Mở đầu

a) Mục tiêu.

- Giới thiệu ý nghĩa của bài học; khai thác trải nghiệm, vốn sống và hiểu biết ban đầu của HS về một công ước quốc tế có liên quan trực tiếp tới lãnh thổ và chủ quyền quốc gia để dẫn dắt có liên quan trực tiếp tới lãnh thổ và dặt vào bài học mới.

- b) Nội dung.** GV cho HS xem clip về một vấn đề xung đột trên thế giới liên quan đến tranh chấp quyền chủ quyền sau đó yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ sau:

Em hãy nêu tên và chia sẻ những hiểu biết của mình về công ước quốc tế quan trọng nhất thường được các quốc gia viện dẫn khi có tranh chấp với nhau về lãnh thổ, chủ quyền biển đảo và biên giới quốc gia.

c) Sản phẩm. Học sinh bước đầu nhận biết được một số công ước quốc tế thường gặp

- Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) năm 1982 là công ước quốc tế quan trọng nhất thường được các quốc gia viện dẫn khi có tranh chấp với nhau về lãnh thổ, chủ quyền biển đảo và biên giới quốc gia.

- Chia sẻ hiểu biết:

- + Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS) được mở kí chính thức ngày 10/12/1982.

- + Công ước đã được 167 quốc gia và Liên minh châu Âu (EU) phê chuẩn và có hiệu lực từ năm 1994.

- + Từ khi được thông qua cho tới nay, UNCLOS luôn được coi là một trong những điều ước quốc tế phổ quát, mang tính nền tảng nhất trong quan hệ giữa các quốc gia. UNCLOS đã đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc duy trì hoà bình, ổn định, hợp tác quốc tế và sự phát triển bền vững của các quốc gia về các vấn đề biển, đại dương vốn chiếm tới 70% diện tích toàn cầu, cùng rất nhiều nguồn lợi, tài nguyên lớn.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập:

- GV cho HS xem clip về một vấn đề xung đột trên thế giới liên quan đến tranh chấp quyền chủ quyền sau đó yêu cầu học sinh thực hiện nhiệm vụ sau:

Em hãy nêu tên và chia sẻ những hiểu biết của mình về công ước quốc tế quan trọng nhất thường được các quốc gia viện dẫn khi có tranh chấp với nhau về lãnh thổ, chủ quyền biển đảo và biên giới quốc gia.

Thực hiện nhiệm vụ

HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm/cá nhân chuẩn bị câu trả lời ra giấy.

GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.

Báo cáo, thảo luận

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó dẫn dắt HS vào bài mới như lời dẫn trong SGK.

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét đánh giá về quá trình thực hiện nhiệm vụ của học sinh

Gv nhấn mạnh:

Trong đời sống quốc tế hiện đại, vai trò của pháp luật quốc tế ngày càng quan trọng và phạm vi ảnh hưởng của nó ngày càng mở rộng hơn. Số các quốc gia tham gia kí kết, gia nhập, phê chuẩn và nội luật hoá các điều ước quốc tế về dân cư, về biên giới lãnh thổ, về luật biển,... không ngừng tăng lên theo thời gian giúp cho cơ sở pháp lí về quan hệ giữa các quốc gia liên quan đến những lĩnh vực này ngày càng vững chắc hơn.

2. Hoạt động: Khám phá

Nội dung 1: Tìm hiểu nội dung: Chế độ pháp lí của các bộ phận dân cư trong quốc gia

a) Mục tiêu.

HS nêu được những nội dung cơ bản của chế độ pháp lí của các bộ phận dân cư trong quốc gia.

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin, nghiên cứu trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Em hãy nêu các quy định của công pháp quốc tế về dân cư và lấy ví dụ minh hoạ.

2/ Theo em, khi sinh sống và cư trú hợp pháp ở nước M, ông A có thể có những quyền và nghĩa vụ gì?

3/ Hành vi của những người quá khích được nêu trong trường hợp trên có vi phạm pháp luật quốc tế không? Vì sao?

c) Sản phẩm.

1/ Dân cư của quốc gia là tổng hợp những người cư trú và sinh sống trên lãnh thổ quốc gia, cùng chịu sự quản lí của Nhà nước, sự tác động điều chỉnh của pháp luật quốc gia và bao gồm ba bộ phận là công dân (người mang quốc tịch của quốc gia), công dân nước ngoài (người mang quốc tịch của quốc gia khác) và người không quốc tịch (người không mang quốc tịch của quốc gia nào). Chế độ pháp lí của mỗi bộ phận dân cư bao gồm các quyền và nghĩa vụ pháp lí mà quốc gia, thông qua Nhà nước, đã quy định cho họ phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế.

+ Chế độ pháp lí của công dân thường được quy định trong Hiến pháp hoặc luật cơ bản của Nhà nước. Đa số các nước quy định chế độ pháp lí cho công dân rộng nhất trong ba bộ phận của dân cư. Cùng cư trú và sinh sống trong phạm vi lãnh thổ quốc gia, song có rất nhiều quyền và nghĩa vụ mà chỉ công dân mới có, người nước ngoài, người không quốc tịch không có. Ví dụ: công dân Việt Nam có quyền bầu cử và ứng cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc nhưng công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú và sinh sống ở nước ta không có các quyền và nghĩa vụ này.

+ Chế độ pháp lí của người nước ngoài cư trú và sinh sống ở nước sở tại (nước mà người nước ngoài đang cư trú và sinh sống) bao gồm những quyền và nghĩa vụ nhất định tùy theo chế độ đãi ngộ mà nước sở tại dành cho họ trên cơ sở pháp luật quốc gia phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế mà Nhà nước đó đã công nhận và bao gồm: chế độ đãi ngộ quốc gia, chế độ đãi ngộ tối huệ quốc và chế độ đãi ngộ đặc biệt. Quyền của người nước ngoài được ghi nhận trong nhiều văn kiện của luật nhân quyền quốc tế. Nguyên tắc “không phân biệt đối xử” được nhấn mạnh trong Hiến chương Liên hợp quốc năm 1945 và Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người năm 1948 (UDHR). Cả hai công ước quan trọng nhất về quyền con người là Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR) và Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR) đều quy định: “không được có bất kì sự phân biệt

đối xử nào về chủng tộc, màu da,... ngôn ngữ,... nguồn gốc dân tộc,... hoặc các địa vị khác” (Điều 2).

Chế độ đãi ngộ quốc gia: thường được áp dụng cho những người nước ngoài cư trú và sinh sống trên lãnh thổ của mình khi họ có thời hạn lưu trú tương đối ổn định và lâu dài. Theo chế độ này, nước sở tại cho phép người nước ngoài cư trú và sinh sống ở nước mình được hưởng những quyền chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá cơ bản như công dân của nước sở tại, trừ một số quyền liên quan đến lợi ích và an ninh quốc gia của nước sở tại. Ví dụ: công dân nước ngoài, người không quốc tịch cư trú và sinh sống ở nước ta đều được hưởng tất cả các quyền con người được quy định trong Hiến pháp năm 2013.

Chế độ đãi ngộ tối huệ quốc: là chế độ được áp dụng cho những doanh nhân nước ngoài cư trú và sinh sống trên lãnh thổ của mình khi họ sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực xuất nhập khẩu hàng hoá. Theo chế độ này, các công dân và pháp nhân nước ngoài ở nước sở tại được hưởng các quyền lợi và ưu đãi về các loại thuế quan và phí đánh vào hoặc có liên quan đến hàng hoá nhập khẩu hay xuất khẩu, về phương thức thanh toán đối với hàng nhập khẩu và xuất khẩu,... mà các công dân và pháp nhân của bất kỳ một nước thứ ba nào đang và sẽ được hưởng trong tương lai. Chế độ này chỉ được ghi nhận và thể hiện trong các hiệp định thương mại, hiệp định thương mại và hàng hải giữa các quốc gia hữu quan. Ví dụ: Hiệp định thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ năm 2020 quy định: “Điều 1. Quy chế tối huệ quốc (Quan hệ thương mại bình thường) và không phân biệt đối xử: 1/ Mỗi bên dành ngay lập tức và vô điều kiện cho hàng hoá có xuất xứ tại hoặc được xuất khẩu từ Bên kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho hàng hoá có xuất xứ tại hoặc được xuất khẩu từ lãnh thổ của bất cứ nước thứ ba nào khác trong tất cả các vấn đề liên quan tới: mọi loại thuế quan và phí đánh vào hoặc có liên quan đến việc nhập khẩu hay xuất khẩu, bao gồm cả nhập khẩu và các phương pháp tính các loại thuế quan và phí đó;..”.

Điều này có nghĩa là hàng hoá của Việt Nam vào Hoa Kỳ được dành cho sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Hoa Kỳ dành cho hàng hoá các nước khác. Ngược lại, hàng hoá Hoa Kỳ vào Việt Nam cũng được hưởng sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Việt Nam dành cho hàng hoá các nước khác. Như vậy, công dân Việt Nam cư trú và sinh sống ở Hoa Kỳ cũng như công dân Hoa Kỳ cư trú và sinh sống ở Việt Nam, nếu sản xuất và kinh doanh hàng hoá xuất, nhập khẩu giữa hai nước này thì đều được hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc.

Chế độ đãi ngộ đặc biệt dành cho người nước ngoài: là chế độ đãi ngộ mà nước sở tại dành cho những nhân viên ngoại giao và lãnh sự của nước khác được cử đến công tác ở nước mình, theo đó, những người này được hưởng các quyền ưu đãi đặc biệt mà chính công dân của nước sở tại cũng không được hưởng, đồng thời, họ cũng không phải chịu trách nhiệm pháp lý mà công dân nước sở tại phải chịu trong những trường hợp tương tự. Chế độ này được quy định tại các Công ước quốc tế về quan hệ ngoại giao và lãnh sự. Ví dụ: Công ước Viên về quan hệ ngoại giao năm 1961 quy định: Thân thể của viên chức ngoại giao là bất khả xâm phạm. Họ không thể bị bắt hoặc bị giam giữ dưới bất cứ hình thức nào (Điều 29); viên chức ngoại giao được hưởng quyền miễn trừ xét xử về hình sự của nước tiếp nhận, họ cũng được hưởng quyền miễn trừ xét xử về dân sự và hành chính, trừ những trường hợp nhất định,... (Điều 31).

Bên cạnh việc có thể được hưởng các chế độ đãi ngộ trên, người nước ngoài cư trú và sinh sống ở nước sở tại còn có những nghĩa vụ nhất định như: phải tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nước sở tại, phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nước này.

+ Chế độ pháp lý của người không quốc tịch được quy định tại Công ước về vị thế của người không quốc tịch năm 1954, theo đó: “người không quốc tịch” có nghĩa là người không được coi là công dân của bất kỳ quốc gia nào theo pháp luật hiện hành của quốc gia đó” (Điều 1). Dù cư trú và sinh sống ở quốc gia nào thì: “Mỗi người không quốc tịch đều có những nghĩa vụ đối với đất nước nơi người đó cư trú, những nghĩa vụ này đòi hỏi người đó phải tuân thủ các quy định pháp luật của nước đó cũng như những biện pháp được áp dụng để duy trì trật tự công cộng” (Điều 2). Nghĩa vụ của các quốc gia thành viên Công ước là: “phải dành cho những người không quốc tịch sự đối xử giống như sự đối xử dành cho những người nước

ngoài khác nói chung” (Điều 7); “Các quốc gia thành viên sẽ dành cho người không quốc tịch sự đối xử tương tự như dành cho công dân của mình liên quan đến vấn đề giáo dục tiểu học... (Điều 22). Nhìn chung, quyền của người không quốc tịch hạn chế hơn quyền của công dân cũng như người nước ngoài. Ví dụ, họ không được hưởng các quyền của công dân và cũng không được hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc hay chế độ đãi ngộ đặc biệt như người nước ngoài.

2/ Khi sinh sống và cư trú hợp pháp ở nước M, ông A có thể có những quyền con người được nước M công nhận, có thể có những quyền và nghĩa vụ theo chế độ đãi ngộ quốc gia của nước M; nếu là doanh nhân, ông có thể được hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc theo hiệp định thương mại giữa Việt Nam và nước M. Bên cạnh đó, ông A có những nghĩa vụ như: phải tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật nước sở tại, phải thực hiện các luật nước sở tại nghĩa vụ theo quy định của pháp luật nước này....

3/ Hành vi của những người quá khích được nêu trong trường hợp này là vi phạm pháp luật quốc tế, bởi vì, đó là hành vi xâm phạm quyền con người và phân biệt đối xử về nguồn gốc dân tộc đã bị pháp luật quốc tế cấm.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin, nghiên cứu trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ Em hãy nêu các quy định của công pháp quốc tế về dân cư và lấy ví dụ minh họa.</p> <p>2/ Theo em, khi sinh sống và cư trú hợp pháp ở nước M, ông A có thể có những quyền và nghĩa vụ gì?</p> <p>3/ Hành vi của những người quá khích được nêu trong trường hợp trên có vi phạm pháp luật quốc tế không? Vì sao?</p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm/cá nhân, viết câu trả lời ra giấy hoặc phiếu học tập. <p>Báo cáo, thảo luận GV mời 1 – 2 đại diện nhóm/HS trong lớp lần lượt trả lời từng câu hỏi, các HS khác bổ sung ý kiến.</p> <p>Kết luận, nhận định GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS và kết luận: Dân cư của quốc gia là tổng hợp những người cư trú và sinh sống trên lãnh thổ quốc gia, cùng chịu sự quản lý của Nhà nước, sự tác động điều chỉnh của pháp luật quốc gia và bao gồm ba bộ phận là công dân (người mang quốc tịch của quốc gia), công dân nước ngoài (người mang quốc tịch của quốc gia khác) và người không quốc tịch (người không mang quốc tịch của quốc gia nào). Chế độ pháp lý của mỗi bộ phận dân cư bao</p>	<p>1. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ DÂN CƯ</p> <p>a) <i>Chế độ pháp lý của các bộ phận dân cư trong quốc gia</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Dân cư quốc gia là tổng hợp những người sinh sống, cư trú trên lãnh thổ của quốc gia, chịu sự quản lý bằng pháp luật của Nhà nước ở quốc gia đó. Dân cư của quốc gia bao gồm ba bộ phận: Công dân của quốc gia, công dân nước ngoài và người không quốc tịch. Mỗi bộ phận đó có chế độ pháp lý riêng phụ thuộc vào quy định pháp luật của mỗi quốc gia phù hợp với pháp luật quốc tế. + Chế độ pháp lý của công dân một quốc gia thường được quy định trong Hiến pháp hoặc luật cơ bản của quốc gia dựa trên điều kiện kinh tế – xã hội cụ thể của quốc gia và phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế đã được quốc gia đó kí kết hoặc công nhận. Chế độ pháp lý của công dân khác với các bộ phận khác của dân cư trong quốc gia ở chỗ: Có nhiều quyền và nghĩa vụ pháp lý mà chỉ công dân mới có, người nước ngoài, người không có quốc tịch không có. + Các chế độ pháp lý dành cho người nước ngoài gồm chế độ đãi ngộ quốc gia áp dụng trong các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, văn hoá; chế độ đãi ngộ tối huệ quốc chủ yếu được áp dụng trong lĩnh vực thương mại và hàng hải; chế độ đãi ngộ đặc biệt được áp dụng đối với các cơ quan và nhân viên ngoại giao và lãnh sự ở nước ngoài. + Chế độ pháp lý của người không quốc tịch cư trú và sinh sống ở một quốc gia về cơ bản tương tự như của người nước ngoài cư trú

gồm các quyền và nghĩa vụ pháp lí mà quốc gia, thông qua Nhà nước, đã quy định cho họ phù hợp với các quy định của pháp luật quốc tế.	và sinh sống tại quốc gia đó.
---	-------------------------------

Nội dung 2: Tìm hiểu nội dung: Cư trú chính trị và bảo hộ công dân

a) Mục tiêu.

HS nêu được các quy định của pháp luật quốc tế về cư trú chính trị và bảo hộ công dân

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

1/ Trong trường hợp 1, việc nước V chấp nhận cho ông T cư trú chính trị là phù hợp hay trái với quy định của pháp luật quốc tế? Vì sao?

2/ Việc các cơ quan chức năng của Việt Nam quyết định trục xuất một số đối tượng là người nước ngoài được nêu trong trường hợp 2 có trái với quy định của pháp luật quốc tế không? Vì sao?

3/Theo em, việc các cơ quan chức năng của Việt Nam phối hợp để đưa công dân Việt Nam từ Myanmar về nước có phải là bảo hộ công dân không? Vì sao? Hãy lấy ví dụ cụ thể về một trường hợp bảo hộ công dân khác của Việt Nam.

c) Sản phẩm.

1/ Trong trường hợp 1, việc nước V chấp nhận cho ông T cư trú chính trị là phù hợp với quy định của pháp luật quốc tế, bởi vì, Công ước về vị thế của người tị nạn năm 1951 quy định: Quyền cư trú chính trị cần được trao cho những người đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Các nước cần phải giúp đỡ những người này để họ có thể nhập cảnh, không trục xuất họ hoặc cưỡng bức họ trở về nước mà họ đang bị truy nã.

2/ Việc các cơ quan chức năng của Việt Nam quyết định trục xuất một số đối tượng là người nước ngoài được nêu trong trường hợp 2 không trái với quy định của pháp luật quốc tế, bởi vì, theo quy định của Công ước về vị thế của người tị nạn năm 1951 thì: Các nước không được trao quyền cư trú cho những kẻ phạm tội ác quốc tế, trước hết là tội ác chống hoà bình và tội ác chiến tranh. Những người bị truy nã quốc tế là những người phạm tội, nguy hiểm cho xã hội nên không thể cho cư trú chính trị mà phải bị trục xuất khỏi Việt Nam.

3/ Việc các cơ quan chức năng của Việt Nam phối hợp để đưa công dân Việt Nam từ Myanmar về nước là bảo hộ công dân, bởi vì, đây là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích của công dân Việt Nam ở Myanmar cũng như đại diện cho Nhà nước thực hiện sự giúp đỡ về mọi mặt cho công dân Việt Nam đang ở Myanmar.

+ Ví dụ về một trường hợp bảo hộ công dân khác của Việt Nam: Vào tháng 9 năm 2023, khi xảy ra cháy nổ nhà máy ở Đài Loan – nơi có nhiều lao động là công dân Việt Nam, làm một số người thương vong, Cục Lãnh sự Bộ Ngoại giao đã công bố số điện thoại đường dây nóng của Tổng đài bảo hộ công dân và Văn phòng Kinh tế – Văn hoá Việt Nam ở Đài Bắc để lao động Việt Nam ở đây có thể liên hệ nếu cần giúp đỡ.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: 1/ Trong trường hợp 1, việc nước V chấp nhận cho ông T cư trú chính trị là phù hợp hay trái với quy định của pháp luật quốc tế? Vì sao? 2/ Việc các cơ quan chức năng của Việt Nam quyết định trục xuất một số đối tượng là người nước ngoài được nêu trong trường hợp 2 có trái với quy định của pháp luật quốc tế không? Vì sao?</p>	<p>1. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ DÂN CƯ b) Vấn đề cư trú chính trị và bảo hộ công dân Cư trú chính trị là việc một quốc gia cho phép những người nước ngoài đang bị truy nã tại quốc gia mà họ mang quốc tịch do những hoạt động và quan điểm về chính trị, khoa học và tôn giáo,... được</p>

3/ Theo em, việc các cơ quan chức năng của Việt Nam phối hợp để đưa công dân Việt Nam từ Myanmar về nước có phải là bảo hộ công dân không? Vì sao? Hãy lấy ví dụ cụ thể về một trường hợp bảo hộ công dân khác của Việt Nam.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh đọc thông tin.
- HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận:

Bảo hộ công dân là hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích của công dân nước mình ở nước ngoài cũng như đại diện cho Nhà nước thực hiện sự giúp đỡ về mọi mặt cho công dân của nước mình đang ở nước ngoài. Vấn đề bảo hộ công dân được quy định trong Công ước Viên về quan hệ ngoại giao năm 1961 và Công ước Viên về quan hệ lãnh sự năm 1963 với ý nghĩa coi đó là một trong những chức năng của cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự. Cụ thể: cơ quan đại diện ngoại giao và lãnh sự của quốc gia ở nước ngoài có chức năng bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân nước mình tại nước ngoài, giúp đỡ công dân bao gồm cả cá nhân và pháp nhân của nước mình ở nước ngoài

quyền nhập cảnh và cư trú trên lãnh thổ của nước mình.

Bảo hộ công dân là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ quyền và lợi ích của công dân nước mình ở nước ngoài cũng như đại diện cho Nhà nước thực hiện sự giúp đỡ về mọi mặt cho công dân của nước mình đang ở nước ngoài.

Nội dung 3: Tìm hiểu nội dung: Công pháp quốc tế về lãnh thổ và biên giới quốc gia

a) Mục tiêu.

HS nêu được các quy định của pháp luật quốc tế về lãnh thổ và biên giới quốc gia; phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật quốc tế.

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS làm việc cá nhân/theo nhóm, đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi: Theo em, ở thông tin trên, chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ của Việt Nam được thể hiện như thế nào? Việc các nước đế quốc, thực dân xâm chiếm và đô hộ nước ta trước đây có phải là vi phạm pháp luật quốc tế không? Vì sao?

Em hãy cho biết việc Việt Nam ban hành Luật Biên giới quốc gia và tham gia kí kết các văn bản pháp luật được nêu trong thông tin trên với các nước láng giềng là nhằm mục đích gì.

c) Sản phẩm.

1/ Việt Nam có chủ quyền hoàn toàn, đầy đủ và tuyệt đối với lãnh thổ của mình. Chủ quyền quốc gia của Việt Nam bao gồm nhiều nội dung, trong đó có các quyền cơ bản là: quyền bất khả xâm phạm lãnh thổ, quyền tự quyết định những công việc của quốc gia, quyền độc lập trong quan hệ đối ngoại. Quyền tối cao của Việt Nam đối với lãnh thổ, được thể hiện ở hai phương diện cơ bản là phương diện quyền lực và phương diện vật chất.

+ Về phương diện quyền lực: Quyền lực của Việt Nam được thực hiện bởi bộ máy nhà nước, là tối cao đối với mọi tổ chức, cá nhân sống trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam và có tác động bao trùm tới tất cả các vùng lãnh thổ của Việt Nam, các lĩnh vực của đời sống xã hội. Quyền lực này mang tính hoàn toàn, riêng biệt, không chia sẻ với bất kì quốc gia nào khác và

là chủ quyền thiêng liêng của Việt Nam. Với quyền lực này, Việt Nam có thể tiến hành mọi hoạt động trong phạm vi lãnh thổ của mình với điều kiện các hành vi đó không vi phạm các quy định pháp luật quốc tế mà nước ta đã kí kết hoặc công nhận. Cùng với việc thực hiện chủ quyền lãnh thổ, Việt Nam có nghĩa vụ tôn trọng và bảo đảm quyền bất khả xâm phạm lãnh thổ của quốc gia khác.

+ Về phương diện vật chất: Chủ quyền của Việt Nam đối với lãnh thổ thể hiện qua việc Việt Nam có toàn quyền sở hữu đối với các yếu tố thuộc môi trường tự nhiên của quốc gia mình như: đất đai, nước, không gian, rừng, khoáng sản, tài nguyên vùng lòng đất;...

Việc các nước đế quốc, thực dân xâm chiếm và đô hộ nước ta trước đây là vi phạm pháp luật quốc tế, bởi vì, đó là hành vi vi phạm quyền độc lập tự quyết và quyền bất khả xâm phạm lãnh thổ của Việt Nam.

2/ Việc Việt Nam ban hành Luật Biên giới quốc gia và tham gia kí kết các văn bản pháp luật với các nước láng giềng là nhằm mục đích xác định biên giới quốc gia trên đất liền, biên giới quốc gia trên biển, biên giới quốc gia trên không và biên giới quốc gia trong lòng đất của Việt Nam, qua đó, phân định ranh giới lãnh thổ của nước ta với các nước láng giềng và xác định phạm vi lãnh thổ thuộc chủ quyền quốc gia của Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/theo nhóm để trả lời câu hỏi trong SGK:</p> <p><i>Theo em, ở thông tin trên, chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ của Việt Nam được thể hiện như thế nào? Việc các nước đế quốc, thực dân xâm chiếm và đô hộ nước ta trước đây có phải là vi phạm pháp luật quốc tế không? Vì sao?</i></p> <p><i>Em hãy cho biết việc Việt Nam ban hành Luật Biên giới quốc gia và tham gia kí kết các văn bản pháp luật được nêu trong thông tin trên với các nước láng giềng là nhằm mục đích gì.</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp</p> <p>Báo cáo, thảo luận GV triển khai phân báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phân biện, bổ sung.</p> <p>Kết luận, nhận định GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận:</p> <p>+ Lãnh thổ quốc gia là các bộ phận lãnh thổ thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối hay riêng biệt của một quốc gia, tại đó, quốc gia duy trì quyền lực nhà nước đối với cộng đồng dân cư của nó. Chủ quyền của quốc gia đối với lãnh thổ được thể hiện ở hai phương diện: quyền lực và vật chất. Tất cả các quốc gia đều có nghĩa vụ tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về lãnh thổ của quốc gia khác.</p> <p>+ Biên giới quốc gia là ranh giới phân định lãnh thổ của quốc gia này với lãnh thổ của quốc gia khác hoặc</p>	<p>Dự kiến sản phẩm</p> <p>2. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ LÃNH THỔ VÀ BIÊN GIỚI QUỐC GIA</p> <p>+ Lãnh thổ quốc gia là các bộ phận lãnh thổ thuộc chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối hay riêng biệt của một quốc gia, tại đó, quốc gia duy trì quyền lực nhà nước đối với cộng đồng dân cư của nó. Chủ quyền của quốc gia đối với lãnh thổ được thể hiện ở hai phương diện: quyền lực và vật chất. Tất cả các quốc gia đều có nghĩa vụ tôn trọng quyền bất khả xâm phạm về lãnh thổ của quốc gia khác.</p> <p>+ Biên giới quốc gia là ranh giới phân định lãnh thổ của quốc gia này với lãnh thổ của quốc gia khác hoặc với các vùng mà quốc gia có quyền chủ quyền trên biển. Chế độ pháp lí biên giới của mỗi quốc gia đều được quy định trong pháp luật quốc gia đó và các điều ước quốc tế giữa quốc gia đó với các quốc gia có chung đường biên giới.</p>

với các vùng mà quốc gia có quyền chủ quyền trên biển. Chế độ pháp lí biên giới của mỗi quốc gia đều được quy định trong pháp luật quốc gia đó và các điều ước quốc tế giữa quốc gia đó với các quốc gia có chung đường biên giới.

Nội dung 5: Tìm hiểu nội dung: Pháp luật quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia

a) Mục tiêu.

HS nêu được quy định của pháp luật quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia; phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật quốc tế.

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS đọc thông tin, nghiên cứu trường hợp, làm việc cá nhân/theo nhóm để trả lời câu hỏi trong SGK:

1/ Chủ quyền của quốc gia ven biển đối với vùng nội thủy và vùng lãnh hải được thể hiện như thế nào?

2/ Trong trường hợp trên, sự di chuyển của phương tiện nào là phù hợp với pháp luật quốc tế và phương tiện nào vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?

c) Sản phẩm.

1/ Chủ quyền của quốc gia ven biển đối với vùng nội thủy thể hiện: Quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ đối với vùng nội thủy giống như trên đất liền. Chủ quyền này bao trùm cả vùng trời bên trên, vùng đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, bên dưới vùng nước nội thủy. Tất cả các tàu thuyền và các phương tiện bay của nước ngoài muốn ra vào hoặc bay trên vùng trời nội thủy của quốc gia ven biển đều phải xin phép và chỉ có thể lưu thông khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của quốc gia này cho phép.

Chủ quyền của quốc gia ven biển đối với vùng lãnh hải được thể hiện: Chủ quyền của quốc gia ven biển đối với vùng nước lãnh hải không tuyệt đối như đối với vùng nước nội thủy, bởi vì tàu thuyền nước ngoài vẫn có quyền đi qua không gây hại trong vùng nước này và nghĩa vụ của quốc gia ven biển là không được cản trở quyền này. Quốc gia ven biển có chủ quyền toàn vẹn và đầy đủ đối với tài nguyên sinh vật biển cũng như đối với mọi loại hiện vật khảo cổ, lịch sử trong lãnh hải. Đối với vùng trời trên lãnh hải, đáy và lòng đất của vùng biển này thì quốc gia ven biển có chủ quyền toàn vẹn và đầy đủ. Các phương tiện bay nước ngoài muốn vào vùng trời ở trên lãnh hải của quốc gia ven biển thì phải xin phép.

2/ Trong trường hợp được nêu ở SGK, sự di chuyển của tàu thủy của nước A vào vùng lãnh hải và nội thủy của Việt Nam mà chỉ thông báo, không xin phép là vi phạm pháp luật quốc tế, vì theo quy định của luật quốc tế thì tàu thủy của nước A chỉ có thể đi vào vùng lãnh hải hay vùng nội thủy của nước ta khi đã xin phép và được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ta cho phép. Tàu thủy của nước B đi qua không gây hại trong vùng lãnh hải của nước ta mà không xin phép là phù hợp với pháp luật quốc tế, bởi vì, theo quy định của luật quốc tế, tàu thuyền của nước khác có quyền đi qua không gây hại trong vùng lãnh hải của nước ta và Việt Nam không được cản trở việc thực hiện quyền này của tàu thuyền nước ngoài.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV yêu cầu HS đọc thông tin, nghiên cứu trường hợp, làm việc cá nhân/theo nhóm để trả lời câu hỏi trong SGK:</p> <p>1/ Chủ quyền của quốc gia ven biển đối với vùng nội thủy và vùng lãnh hải được thể hiện như thế nào?</p> <p>2/ Trong trường hợp trên, sự di chuyển của phương tiện nào là phù hợp với pháp luật quốc tế và phương tiện nào vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?</p>	<p>3. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ CÁC VÙNG BIỂN THUỘC CHỦ QUYỀN VÀ QUYỀN CHỦ QUYỀN CỦA QUỐC GIA</p> <p>a) Pháp luật quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia</p>

<p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp <p>Báo cáo, thảo luận</p> <p>GV triển khai phần báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.</p> <p>Kết luận, nhận định</p> <p>GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận:</p> <p>Các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển gồm vùng nội thủy và vùng lãnh hải. Trong vùng nội thủy, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ. Bất kì ai muốn ra vào hoặc hoạt động trong vùng nội thủy của quốc gia khác đều phải xin phép và chỉ được lưu thông, hoạt động khi đã được phép. Trong vùng lãnh hải, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ trừ quyền qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài.</p>	<p>+ Các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia ven biển gồm vùng nội thủy và vùng lãnh hải.</p> <p>Trong vùng nội thủy, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn, tuyệt đối và đầy đủ. Bất kì ai muốn ra vào hoặc hoạt động trong vùng nội thủy của quốc gia khác đều phải xin phép và chỉ được lưu thông, hoạt động khi đã được phép.</p> <p>+ Trong vùng lãnh hải, quốc gia ven biển có chủ quyền hoàn toàn và đầy đủ trừ quyền qua không gây hại của tàu thuyền nước ngoài.</p>
---	---

Nội dung 6: Tìm hiểu nội dung: Các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia

a) Mục tiêu.

HS nêu được quy định của pháp luật quốc tế về các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia; phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật quốc tế.

b) Nội dung.

GV yêu cầu HS đọc thông tin, nghiên cứu trường hợp, làm việc cá nhân/theo nhóm để trả lời câu hỏi:

1/ *Em hãy cho biết quyền chủ quyền của Việt Nam đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình thể hiện như thế nào. Ngoài quyền, Việt Nam có nghĩa vụ quốc tế gì trong các vùng biển này không? Vì sao?*

2/ *Trong trường hợp trên, hành vi của quốc gia nào là phù hợp với pháp luật quốc tế và hành vi của quốc gia nào là vi phạm pháp luật quốc tế. Vì sao?*

c) Sản phẩm.

1/ Quyền chủ quyền của Việt Nam đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình thể hiện ở những nội dung sau:

+ Quyền chủ quyền của Việt Nam đối với vùng tiếp giáp lãnh hải thể hiện ở việc Việt Nam có thể thi hành sự kiểm soát cần thiết, nhằm: ngăn ngừa những vi phạm đối với các luật và quy định hải quan, thuế khoá, y tế hay nhập cư trên lãnh thổ hay trong lãnh hải của mình; trừng trị những vi phạm đối với các luật và quy định nói trên xảy ra trên lãnh thổ hay trong lãnh hải của mình. Đồng thời, Nhà nước Việt Nam thực hiện quyền chủ quyền và các quyền khác ở vùng tiếp giáp lãnh hải như trong vùng đặc quyền về kinh tế.

+ Trong vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam có các quyền thuộc chủ quyền về việc thăm dò khai thác, bảo tồn và quản lí các tài nguyên thiên nhiên, sinh vật hoặc không sinh vật, của vùng nước bên trên đáy biển, của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như về những hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế, như việc sản xuất năng lượng từ nước, hải lưu và gió; các quyền và các nghĩa vụ khác do Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982 quy định. Tất cả các quốc gia khác đều được hưởng ba quyền tự do cơ bản là: tự do hàng hải, tự do hàng không, tự do đặt dây cáp ngầm (Điều 58 Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982).

+ Quyền chủ quyền của Việt Nam đối với thềm lục địa của mình thể hiện ở việc Việt Nam có toàn quyền thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của vùng này, bao gồm các tài

nguyên thiên nhiên khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên không sinh vật khác của đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, cũng như các sinh vật thuộc loại định cư, nghĩa là những sinh vật nào, ở thời kì có thể đánh bắt được, hoặc nằm bất động ở đáy, hoặc lòng đất dưới đáy; hoặc là không có khả năng di chuyển nếu không có khả năng tiếp xúc với đáy hay lòng đất dưới đáy biển. Đây là các đặc quyền riêng của Việt Nam, các quốc gia khác không được xâm phạm. Việt Nam có đặc quyền cho phép và quy định việc khoan ở thềm lục địa vào bất kì mục đích gì. Tất cả các quốc gia khác có thể đặt các dây cáp và ống dẫn ngầm ở thềm lục địa của Việt Nam, riêng với tuyến ống dẫn đặt ở thềm lục địa cần được sự thoả thuận của Việt Nam. Tàu thuyền và phương tiện bay của tất cả các quốc gia khác đều có quyền tự do ra vào vùng nước và vùng trời thềm lục địa của Việt Nam.

+ Ngoài những quyền trên, trong các vùng biển này, Việt Nam có nghĩa vụ quốc tế là không gây thiệt hại đến hàng hải hay các quyền và các tự do khác của các nước khác đã được Công ước thừa nhận, cũng không được cản trở việc thực hiện các quyền này một cách không thể biện bạch được; Việt Nam không được cản trở việc lắp đặt hay bảo quản các ống dẫn và dây cáp của quốc gia khác đặt trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình. Bởi vì, đó là các nghĩa vụ quốc tế đã được quy định tại các điều 58, 78 và 79 Công ước quốc tế về Luật Biển năm 1982.

2/ Trong tình huống được nêu ở SGK, hành vi của quốc gia P và những nước ủng hộ quốc gia P là phù hợp với pháp luật quốc tế vì đó là hành vi bảo vệ quyền chủ quyền trong vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia ven biển đã được luật quốc tế thừa nhận. Hành vi của quốc gia T là vi phạm pháp luật quốc tế, bởi vì, đó là hành vi xâm phạm quyền chủ quyền đối với vùng đặc quyền kinh tế của quốc gia P.

d) Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
<p>Giao nhiệm vụ học tập GV yêu cầu HS đọc thông tin, nghiên cứu trường hợp, làm việc cá nhân/theo nhóm để trả lời câu hỏi:</p> <p>1/ <i>Em hãy cho biết quyền chủ quyền của Việt Nam đối với vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình thể hiện như thế nào. Ngoài quyền, Việt Nam có nghĩa vụ quốc tế gì trong các vùng biển này không? Vì sao?</i></p> <p>2/ <i>Trong trường hợp trên, hành vi của quốc gia nào là phù hợp với pháp luật quốc tế và hành vi của quốc gia nào là vi phạm pháp luật quốc tế. Vì sao?</i></p> <p>Thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh đọc thông tin. - HS thực hiện nhiệm vụ học tập theo nhóm học tập, chuẩn bị câu trả lời ra giấy hoặc bảng nhóm để trình bày trước lớp <p>Báo cáo, thảo luận GV triển khai phân báo cáo kết quả học tập: mời đại diện 1 – 2 nhóm trình bày câu trả lời, đại diện các nhóm khác nhận xét, phản biện, bổ sung.</p> <p>Kết luận, nhận định GV nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ học tập của HS, sau đó kết luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền của 	<p>3. CÔNG PHÁP QUỐC TẾ VỀ CÁC VÙNG BIỂN THUỘC CHỦ QUYỀN VÀ QUYỀN CHỦ QUYỀN CỦA QUỐC GIA</p> <p>b) <i>Các vùng biển thuộc chủ quyền của quốc gia</i></p> <ul style="list-style-type: none"> + Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền của quốc gia gồm vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa. + Trong vùng tiếp giáp lãnh hải, quốc gia ven biển có quyền thi hành sự kiểm soát cần thiết đối với tàu thuyền nước ngoài nhằm ngăn ngừa và trừng trị một số loại vi phạm pháp luật nhất định xảy ra trên lãnh thổ hay trong lãnh hải của mình. + Trong vùng đặc quyền kinh tế, quốc gia ven biển có quyền thăm dò khai thác, bảo tồn và quản lí các tài nguyên thiên nhiên cũng như những hoạt động khác nhằm thăm dò và khai thác vùng này vì mục đích kinh tế. Các quốc gia khác được hưởng các quyền tự do hàng hải và hàng không, quyền tự do đặt dây cáp và ống dẫn ngầm. + Ở thềm lục địa, quốc gia ven biển có đặc quyền về thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của mình, cho phép

quốc gia gồm vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.

+ Trong vùng tiếp giáp lãnh hải, quốc gia ven biển có quyền thi hành sự kiểm soát cần thiết đối với tàu thuyền nước ngoài nhằm ngăn ngừa và trừng trị một số loại vi phạm pháp luật nhất định xảy ra trên lãnh thổ hay trong lãnh hải của mình.

đặt tuyến ống dẫn, cho phép và quy định việc khoan ở thềm lục địa bất kì vào mục đích gì.

+ Các quốc gia ven biển có nghĩa vụ không được cản trở quyền tự do hàng hải, hàng không, đặt dây cáp và ống dẫn ngầm của các quốc gia khác trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của mình.

3. Hoạt động: Luyện tập

Câu 1. Em hãy cho biết mỗi chủ thể trong các trường hợp dưới đây thuộc bộ phận nào của dân cư và xác định chế độ pháp lí có thể được áp dụng đối với mỗi chủ thể đó.

a. Bà E là doanh nhân của Nhật Bản và là nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Doanh nghiệp do bà làm chủ chuyên sản xuất giày da xuất khẩu. Người lao động trong doanh nghiệp của bà có cả công dân Nhật Bản, công dân Việt Nam và người không quốc tịch cư trú và sinh sống ở nước ta.

b. Ông P là nhân viên Đại sứ quán của Hàn Quốc ở Việt Nam và bà Q là nhân viên lãnh sự quán của Pháp tại Việt Nam.

a) Mục tiêu. HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá.

Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế liên quan đến dân cư, lãnh thổ và chủ quyền quốc gia.

b) Nội dung.

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.

HS làm việc cá nhân, nghiên cứu trường hợp và viết câu trả lời vào giấy nháp hoặc phiếu học tập.

Em hãy cho biết mỗi chủ thể trong các trường hợp dưới đây thuộc bộ phận nào của dân cư và xác định chế độ pháp lí có thể được áp dụng đối với mỗi chủ thể đó.

c) Sản phẩm.

a. Trong dân cư của Việt Nam, bà E thuộc bộ phận công dân nước ngoài nên có thể được hưởng chế độ đãi ngộ tối huệ quốc nếu trong hiệp định thương mại giữa Việt Nam và Nhật Bản thừa nhận chế độ đó, nếu không thì bà có thể được hưởng chế độ đãi ngộ quốc gia. Những người lao động trong doanh nghiệp của bà E nếu là công dân Việt Nam thì thuộc bộ phận công dân của quốc gia nên được hưởng chế độ pháp lí của công dân, nếu là công dân Nhật Bản thì thuộc bộ phận công dân nước ngoài và được hưởng chế độ đãi ngộ quốc gia, nếu là người không quốc tịch thì thuộc bộ phận người không quốc tịch và được hưởng chế độ pháp lí của người không quốc tịch.

b. Ông P là nhân viên Đại sứ quán của Hàn Quốc ở Việt Nam và bà Q là nhân viên lãnh sự quán của Pháp tại Việt Nam, do vậy, trong dân cư của Việt Nam, cả ông P và bà Q đều thuộc bộ phận công dân nước ngoài và đều được hưởng chế độ đãi ngộ đặc biệt dành cho người nước ngoài.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập số 1 trong SGK.

HS làm việc cá nhân, nghiên cứu trường hợp và viết câu trả lời vào giấy nháp hoặc phiếu học tập.

Em hãy cho biết mỗi chủ thể trong các trường hợp dưới đây thuộc bộ phận nào của dân cư và xác định chế độ pháp lí có thể được áp dụng đối với mỗi chủ thể đó.

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Kết luận, nhận định

- Giáo viên nhận xét phần trả lời của các học sinh, tổng hợp và đưa ra kết luận

Câu 2: Theo em, trong các trường hợp dưới đây, hành vi của chủ thể nào là phù hợp và hành vi của chủ thể nào là vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?

a. Ông M là công dân của nước N, do tích cực đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở nước N nên ông đã xin tị nạn ở Đức và được nước này chấp nhận.

b. Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào quy định: “Điều 5. Những hành vi bị nghiêm cấm trong khu vực biên giới: Kích động hoặc phá hoại an ninh, an toàn xã hội và trật tự công cộng; bắn súng qua biên giới; gây nổ, chặt phá và đốt cây trong vành đai biên giới; xâm canh, xâm cư, khai thác tài nguyên thiên nhiên, lâm thổ sản, thủy sản trái phép và các hành vi khác gây nguy hại cho quốc phòng, an ninh và sức khoẻ con người”. Ngày 30 - 11 - 2023, ông A (30 tuổi) là công dân Lào sống ở khu vực biên giới Việt Nam - Lào đã lén lút khai thác lâm thổ sản trong một khu rừng ven biên giới ở phía lãnh thổ của Việt Nam.

a) **Mục tiêu.** HS rèn luyện kỹ năng xử lý tình huống, liên hệ thực tế nhằm điều chỉnh ý thức, hành vi của bản thân trước những vấn đề liên quan đến những nội dung cơ bản về dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia.

b) **Nội dung.** GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/theo nhóm để xác định các hành vi phù hợp, hành vi chưa phù hợp thể hiện qua thông tin.

Theo em, trong các trường hợp dưới đây, hành vi của chủ thể nào là phù hợp và hành vi của chủ thể nào là vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?

c) Sản phẩm.

a. Hành vi của nước Đức chấp nhận cho ông M cư trú chính trị ở nước mình là phù hợp với pháp luật quốc tế, vì theo quy định của Công ước về vị thế của người tị nạn năm 1951 thì: Quyền cư trú chính trị cần được trao cho những người đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Các nước cần phải giúp đỡ những người này để họ có thể nhập cảnh, không trục xuất họ hoặc cưỡng bức họ trở về nước mà họ đang bị truy nã. Ông M tích cực đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc do chế độ thực dân để lại ở nước N nên ông thuộc trường hợp được phép cư trú chính trị theo quy định của Công ước trên.

b. Hành vi lén lút khai thác lâm thổ sản trong một khu rừng ven biên giới ở phía lãnh thổ của Việt Nam của ông A là vi phạm pháp luật quốc tế, vì trái với Điều 5 Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

d) Tổ chức thực hiện

Giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS đọc thông tin, làm việc cá nhân/theo nhóm để xác định các hành vi phù hợp, hành vi chưa phù hợp thể hiện qua thông tin.

Theo em, trong các trường hợp dưới đây, hành vi của chủ thể nào là phù hợp và hành vi của chủ thể nào là vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập.

Báo cáo, thảo luận

Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ học tập, viết câu trả lời vào giấy nháp/phiếu học tập, GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác trong lớp bổ sung ý kiến

Kết luận, nhận định

GV mời 1 – 2 HS thể hiện quan điểm của mình, các HS khác bổ sung ý kiến, sau đó GV nhận xét và kết luận

Câu 3: Theo em, hoạt động của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong trường hợp sau có phải là bảo hộ công dân không? Vì sao?

Khi xảy ra trận động đất mạnh ở Thổ Nhĩ Kỳ khiến nhiều người thiệt mạng. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ta đã cử công bố đường dây nóng của cơ quan, đồng

thời liên hệ với cơ quan chức năng của nước sở tại và bà con cộng đồng người Việt tìm hiểu thông tin và sẵn sàng triển khai các biện pháp giúp đỡ trong trường hợp có công dân Việt Nam là nạn nhân.

a) Mục tiêu.

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về các nội dung cơ bản về vấn đề dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia

b) Nội dung. GV giao nhiệm vụ cho HS đọc từng tình huống và trả lời câu hỏi cho từng tình huống

Theo em, hoạt động của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong trường hợp sau có phải là bảo hộ công dân không? Vì sao?

c) Sản phẩm.

Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ta đã công bố đường dây nóng của cơ quan, đồng thời liên hệ với cơ quan chức năng của Thổ Nhĩ Kỳ và bà con cộng đồng người Việt sinh sống ở đây để tìm hiểu thông tin và sẵn sàng triển khai các biện pháp giúp đỡ trong trường hợp có công dân Việt Nam là nạn nhân là hoạt động bảo hộ công dân. Bởi vì, đó là hoạt động nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của công dân Việt Nam ở Thổ Nhĩ Kỳ cũng như đại diện cho Nhà nước Việt Nam thực hiện sự giúp đỡ về mọi mặt cho công dân Việt Nam đang ở Thổ Nhĩ Kỳ.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS đọc từng tình huống và trả lời câu hỏi cho từng tình huống

Theo em, hoạt động của các cơ quan nhà nước Việt Nam trong trường hợp sau có phải là bảo hộ công dân không? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được vai trò của luật quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề thế giới

Câu 4: Trong số các tàu cá vi phạm pháp luật ở nước ta thời gian qua có tàu vi phạm vì không có giấy phép khai thác nên bị xử phạt vi phạm hành chính, có tàu vi phạm vùng biển nước ngoài bị lực lượng chức năng của nước ngoài bắt giữ.

Em hãy cho biết:

1/ Trong số các tàu nêu trên, loại tàu nào vi phạm pháp luật Việt Nam và loại tàu nào vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?

2/ Trong trường trên, tại sao lực lượng chức năng của nước ngoài có thể bắt giữ tàu cá và ngư dân Việt Nam? Hành vi đó có bị coi là vi phạm pháp luật quốc tế không? Vì sao?

a) Mục tiêu.

- HS củng cố, hoàn thiện tri thức vừa khám phá về các nội dung cơ bản về vấn đề công pháp quốc tế về dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia

b) Nội dung. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong bài tập số 4 để trả lời câu hỏi.

1/ Trong số các tàu nêu trên, loại tàu nào vi phạm pháp luật Việt Nam và loại tàu nào vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?

2/ Trong trường trên, tại sao lực lượng chức năng của nước ngoài có thể bắt giữ tàu cá và ngư dân Việt Nam? Hành vi đó có bị coi là vi phạm pháp luật quốc tế không? Vì sao?

c) Sản phẩm.

1/ Trong số các tàu cá vi phạm pháp luật ở nước ta thời gian qua, các tàu vi phạm vì không có giấy phép khai thác nên bị xử phạt vi phạm hành chính là vi phạm pháp luật Việt Nam, bởi vì, hành vi đó bị coi là khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định được quy định tại khoản 6, Điều 7 Luật Thủy sản năm 2017 của Việt Nam nên bị các

ơ quan chức năng của Việt Nam xử lý. Các tàu vi phạm vùng biển nước ngoài bị lực lượng chức năng của nước ngoài bắt giữ là vi phạm pháp luật quốc tế, bởi vì, đó là hành vi vi phạm vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia của nước ngoài.

2/ Lực lượng chức năng của nước ngoài có thể bắt giữ tàu cá và ngư dân Việt Nam vì những người này đã xâm phạm chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ của nước ngoài. Hành vi đó bị coi là vi phạm pháp luật quốc tế, bởi vì, theo quy định của luật quốc tế thì chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ của bất cứ quốc gia nào cũng là bất khả xâm phạm, không ai được phép xâm phạm.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, đọc thông tin trong bài tập số 4 để trả lời câu hỏi.

1/ Trong số các tàu nêu trên, loại tàu nào vi phạm pháp luật Việt Nam và loại tàu nào vi phạm pháp luật quốc tế? Vì sao?

2/ Trong trường trên, tại sao lực lượng chức năng của nước ngoài có thể bắt giữ tàu cá và ngư dân Việt Nam? Hành vi đó có bị coi là vi phạm pháp luật quốc tế không? Vì sao?

Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm chuẩn bị bài giới thiệu.

Báo cáo, thảo luận

GV triển khai báo cáo kết quả thảo luận cho từng cấp độ.

Kết luận, nhận định

GV nhận xét và kết luận giúp học sinh thấy được vai trò của luật quốc tế trong việc giải quyết các vấn đề thế giới

4. Hoạt động: Vận dụng

Em cùng các bạn trong nhóm xây dựng một bài thuyết trình nhằm tuyên truyền pháp luật về lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam hoặc pháp luật về các vùng biển thuộc chủ quyền hoặc quyền chủ quyền của Việt Nam. Hãy chia sẻ sản phẩm của nhóm em với cả lớp.

a) **Mục tiêu.** HS biết vận dụng những điều đã học để phân tích, đánh giá những vấn đề liên quan đến việc thực hiện luật

b) **Nội dung.** GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em cùng các bạn trong nhóm xây dựng một bài thuyết trình nhằm tuyên truyền pháp luật về lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam hoặc pháp luật về các vùng biển thuộc chủ quyền hoặc quyền chủ quyền của Việt Nam. Hãy chia sẻ sản phẩm của nhóm em với cả lớp.

c) Sản phẩm.

Bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề đã học để tìm hiểu và làm rõ vai trò của pháp luật quốc tế.

d) Tổ chức thực hiện

Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ cho HS thực hiện bài tập vận dụng tại nhà:

Em cùng các bạn trong nhóm xây dựng một bài thuyết trình nhằm tuyên truyền pháp luật về lãnh thổ và biên giới quốc gia Việt Nam hoặc pháp luật về các vùng biển thuộc chủ quyền hoặc quyền chủ quyền của Việt Nam. Hãy chia sẻ sản phẩm của nhóm em với cả lớp.

Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh làm việc ở nhà, suy nghĩ và hoàn thành nhiệm vụ

Báo cáo, thảo luận

- Giáo viên bố trí thời gian để các học sinh chia sẻ bài viết của mình qua nhóm lớp để các học sinh khác cùng trao đổi

Kết luận, nhận định

- Căn cứ vào các tiêu chí, các yêu cầu đặt ra đưa ra những nhận xét để giúp các học sinh bước đầu áp dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết các vấn đề đã học

=====